TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02** /2000/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2000
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

2. Ông **Huỳnh Tiễn**

Thư ký phiên toà: Bà **Võ Thị Tới** - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H C tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H C, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06 /2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L P**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 84 Nguyễn Văn H, quận C L, thành phố Đ, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Trần Thị H, Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ, có mặt

Bị đơn: Ông **Thái Tường L**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: K408 H43/4 H D, quận H C, thành phố Đ, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn vào ngày 21/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L P trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L P và ông Thái Tường L đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C L, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 21 tháng 10 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 84 Nguyễn Văn Huyên, quận C L, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình không thể hòa hợp, nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cãi vã. Đến cuối năm 2016 thì ông L ra ở riêng dù bà L và các con khuyên nhủ nhưng ông không chịu nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến ngày bà xin ly hôn. Nay bà L xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Tường L

2. *Về con chung*: Bà và ông Thái Tường L có 02 con chung tên là Thái Nguyễn Tường H – sinh năm 2004 và Thái Tường H – sinh năm 2010. Ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: bà L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa ông Thái Tường L xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn và con chung như bà Nguyễn Thị L P trình bày. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ nguyên nhân là do bà L ngoại tình, ông không muốn ly hôn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái và ông không có ý kiến về con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể yêu

cầu hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu về con chung của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H C, thành phố Đ theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L P và ông Thái Tường L đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C L, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông bà không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay.

Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông L đã không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L cố tình vắng mặt, thể hiện sự thiếu thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình và làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tại phiên tòa ông L cũng đã thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn trách nhiệm với nhau nhưng không đồng ý ly hôn vì để cùng nhau nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử, xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho Bà Nguyễn Thị L P được ly hôn với ông Thái Tường L

2.2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị L P và ông Thái Tường L xác nhận có 02 con chung tên là Thái Nguyễn Tường H – sinh năm 2004 và Thái Tường H – sinh năm 2010. Ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con

Xét thấy, kể từ thời điểm bà L và ông L sống ly thân cho đến nay, các cháu được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc thay đổi người nuôi con có thể làm

xáo trộn đến cuộc sống và ảnh hưởng về mặt tâm lý của các cháu, bà L đang có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi hai con. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận và giao cho bà Nguyễn Thị L P trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Việc bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy L của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông L xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2.4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Nguyễn Thị L P phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy Lvề mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu *cầu ly hôn, nuôi con*" của bà **Nguyễn Thị L P** đối với ông **Thái Tường L**

* *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Nguyễn Thị L P được ly hôn đối với ông Thái Tường L.

***** *Về quan hệ con chung*: Xử giao 02 con chung tên là Thái Nguyễn Tường H – sinh năm 2004 và Thái Tường H – sinh năm 2010 cho bà Nguyễn Thị L P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thái Tường L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ bà Nguyễn Thị L P phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0008615 ngày 05/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H C, thành phố Đ.

3. Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/4/2020

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận H C;*
- *Chi cục THADS quận H C;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường Thạch Thang,*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Kinh Luân